

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27/8/2021

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Thành.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đoàn Ngọc Sửu.

2. Bà Nguyễn Thị Là.

*** Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:**

Bà Đào Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2021/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Bùi Anh T**, sinh năm 1982

* *Bị đơn:* **Chị La Bích T**, sinh năm 1985

Đều có địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Đông Hưng, Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt anh T, chị T*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn xin ly hôn ngày 20/7/2021; Bản tự khai ngày 27/7/2021; Biên bản hòa giải ngày 27/7/2021 và tại phiên tòa anh Bùi Anh T nguyên đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị La Bích T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/01/2008 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, tính tình không hợp, chị T không biết chăm lo gia đình. Vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin ly hôn chị T.

* *Về con chung:* Anh và chị T có 02 con chung: Bùi Gia T, sinh ngày 05/12/2010 và Bùi Gia M, sinh ngày 04/3/2016. Ly hôn, anh xin được trực tiếp

nuôi con chung Bùi Gia T và nhường quyền nuôi con Bùi Gia M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản và nợ*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 27/7/2021; Biên bản hòa giải ngày 27/7/2021 và tại phiên tòa chị La Bích T bị đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Bùi Anh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/01/2008 tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác và không quan tâm đến vợ con, vợ chồng lạnh nhạt, anh không đưa tiền cho chị nuôi con. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được bố mẹ chồng khuyên bảo nhưng vợ chồng không thống nhất được quan điểm. Nay anh T xin ly hôn, chị không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Chị và anh T có 02 con chung: Bùi Gia T, sinh ngày 05/12/2010 và Bùi Gia M, sinh ngày 04/3/2016. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản và nợ*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, của thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật xử cho anh Bùi Anh T được ly hôn chị La Bích T.

Về con chung: Anh T và chị T có 02 con chung: Bùi Gia T, sinh ngày 05/12/2010 và Bùi Gia M, sinh ngày 04/3/2016. Ly hôn, đề nghị HĐXX giao con chung Bùi Gia T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung Bùi Gia M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản và nợ: Anh T, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn, bị đơn đang cư trú tại huyện Đông Hưng, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng

quy định của Bộ luật tổ tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh T và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/01/2008 tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Anh T cho rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, tính tình không hợp, từ khi ly thân vợ chồng không có tình cảm và ràng buộc về kinh tế. Vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị T cho rằng: Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác và không quan tâm đến vợ con, vợ chồng lạnh nhạt, anh không đưa tiền cho chị nuôi con. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay không có tình cảm với nhau và không có ràng buộc về kinh tế. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được bố mẹ chồng khuyên bảo nhưng vợ chồng không thống nhất được quan điểm. Nay anh T xin ly hôn, chị T không đồng ý ly hôn.

[2.1] Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 19/8/2021 UBND xã Đ cung cấp như sau: Anh T và chị La Bích T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/01/2008 tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm được. Nay anh T xin ly hôn chị T đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, trường hợp anh T vẫn cương quyết xin ly hôn đề nghị án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T và chị T có 02 con chung: Bùi Gia T, sinh ngày 05/12/2010 và Bùi Gia M, sinh ngày 04/3/2016. Ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho con chung.

[2.2] Sau khi nhận đơn Tòa án đã mời anh T, chị T để khuyên bảo, phân tích để vợ chồng bỏ qua mâu thuẫn và khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập anh T, chị T để hòa giải mục đích để vợ chồng trở về đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con chung, làm ăn phát triển ổn định kinh tế, giữ gìn an ninh trật tự tại địa phương. Tòa án đã cho anh T, chị T thời gian để đưa ra các giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T, chị T cũng không có giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, bản thân chị T cũng xác định giữa chị và anh T có những mâu thuẫn không thể hàn gắn. Tại phiên tòa HĐXX, kiểm sát viên phân tích, đánh giá hậu quả pháp lý của việc ly hôn cũng như phân tích, khuyên giải cho anh T, chị T bỏ qua mâu thuẫn, chia sẻ với nhau trong cuộc sống để đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, anh T vẫn khẳng định anh không còn tình cảm với chị T, do vậy việc đoàn tụ giữa anh T, chị T là không thành. Vì vậy, HĐXX xác định quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị T

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh T cương quyết xin được ly hôn với chị T cần được chấp nhận theo yêu cầu của anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tại phiên tòa.

[3] Về con chung: Anh T và chị T có 02 con chung: Bùi Gia T, sinh ngày 05/12/2010 và Bùi Gia M, sinh ngày 04/3/2016. Ly hôn, anh T có nguyện vọng nuôi con chung Bùi Gia T, chị T có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung.

HĐXX thấy rằng: Nguyện vọng của anh T, chị T là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật cũng như quyền lợi, trách nhiệm của cha mẹ đối với con chung. Đối với con chung Bùi Gia T có nguyện vọng ở với chị T, tuy nhiên HĐXX thấy rằng cháu Bùi Gia T đã lớn đủ để tự chăm sóc bản thân nên việc giao cho T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với thực tế. Đối với con chung Bùi Gia M còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của chị T nên giao con chung Bùi Gia M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy anh T, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4] Về tài sản: Anh T, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83, 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Anh T được ly hôn chị La Bích T.

2. Về con chung: Xử giao cho anh Bùi Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Bùi Gia T, sinh ngày 05/12/2016; Giao cho chị La Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Bùi Gia M, sinh ngày 04/3/2016. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng được đặt ra khi một trong các bên có yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ: Anh Bùi Anh T và chị La Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Bùi Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm,

chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002812 ngày 27/7/2021 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho anh Bùi Anh T và chị La Bích T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/8/2021).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Đã ký

HOÀNG VĂN THÀNH